

PHÒNG GD & ĐT TP HẠ LONG
TRƯỜNG TIỂU HỌC HẠ LONG

-----***-----
Số: 243../ QĐ-Tr. TH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hạ Long, ngày 24 tháng 5 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai Quyết định về việc hỗ trợ cho trẻ em theo Nghị quyết
21/2021-HĐND ngày 16/7/2021

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TIỂU HỌC HẠ LONG

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT- BTC ngày 15/06/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28/09/2018 sửa đổi một số điều TT61/2017/TT-BTC.

Căn cứ quyết định số 2087/QĐ- UBND ngày 23/5/2022 của Ủy ban nhân dân TP Hạ Long về việc hỗ trợ cho trẻ em theo Nghị quyết 21/2021-HĐND ngày 16/7/2021.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công bố công khai quyết định số 2087/QĐ- UBND ngày 23/5/2022 của Ủy ban nhân dân TP Hạ Long “Về việc hỗ trợ cho trẻ em theo Nghị quyết 21/2021-HĐND ngày 16/7/2021”.

(theo Quyết định và biểu mẫu đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày kí.

Điều 3. Các ông, bà: Kế toán, cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận

- PGD Hạ Long
- Đăng cổng TTĐT nhà trường
- Lưu VP



Nguyễn Thị Thu Thủy

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẠ LONG**

Số: 2087/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hạ Long, ngày 23 tháng 5 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc hỗ trợ cho trẻ em
theo Nghị quyết số 21/2021/NQ-HĐND ngày 16/7/2021**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẠ LONG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2016; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị quyết số 21/2021/NQ-HĐND ngày 16/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội và các đối tượng khó khăn khác trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh;

Căn cứ hướng dẫn số 2775/HD-LN/SLĐTBXH-STC-SYT-SGDĐT ngày 18/8/2021 thực hiện một số nội dung chính sách trợ giúp xã hội theo quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ và Nghị quyết số 21/2021/NQ-HĐND ngày 16/7/2021 của HĐND tỉnh Quảng Ninh;

Xét đề nghị của Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố tại Công văn số 472/PGDĐT ngày 12/5/2022,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hỗ trợ chi phí học tập cho 332 trẻ em là đối tượng được quy định theo Nghị quyết số 21/2021/NQ-HĐND ngày 17/6/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh, học kỳ II năm học 2021-2022 số tiền: **248.800.000 đồng** (bằng chữ: Hai trăm bốn mươi tám triệu tám trăm nghìn đồng).

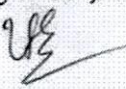
- Thời gian hưởng: Theo thời gian học thực tế.
- Nguồn kinh phí: Dự toán chi Sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo đã phân bổ thuộc Ngân sách thành phố năm 2022.

(Chi danh sách chi tiết kèm theo)

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký:

- Hiệu trưởng các trường chịu trách nhiệm thông báo công khai và triển khai chi hỗ trợ theo quy định.

Điều 3. Các Ông, (Bà): Chánh Văn phòng HĐND và UBND thành phố; Trưởng các phòng: Tài chính - Kế hoạch thành phố, Giáo dục và đào tạo thành phố;

Giám đốc Kho bạc nhà nước Quảng Ninh; Thủ trưởng các đơn vị và trẻ em có tên tại điều 1 căn cứ Quyết định thi hành./. 

Nơi nhận:

- Như điều 3 (T/h);
- TT: Thành ủy, HĐND thành phố (B/c);
- CT, các PCT (C/đạo);
- V0, V2;
- Lưu: VT, VX

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Ngọc Sơn

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Địa chỉ	Học lớp	Đối tượng	Kinh phí hỗ trợ			Chính sách quy định tại
						Số tháng hỗ trợ	Mức hỗ trợ	Tổng số tiền hỗ trợ	
62	Phạm Duy Anh	26/08/2012	Tổ 52, Khu 5, phường Hà Khẩu	Lớp 4A1	Khuyết tật nặng	5	150,000	750,000	Khoản h, Điều 2
63	Bùi Thiên Minh	31/01/2015	Tổ 4, Khu 1, phường Hà Khẩu	Lớp 1A1	Khuyết tật nặng	5	150,000	750,000	Khoản h, Điều 2
64	Lê Thúy Lâm	01/11/2010	Tổ 58, Khu 6, phường Hà Khẩu	Lớp 5A1	Khuyết tật nặng	5	150,000	750,000	Khoản h, Điều 2
	TH Hà Lâm							4,500,000	
65	Hoàng Trung Thành	03/10/2014	Tổ 1 - Khu 1 - phường Hà Lâm	Lớp 1A3	Khuyết tật đặc biệt nặng	5	150,000	750,000	Khoản h, Điều 2
66	Vũ Mạnh Hiếu	27/02/2011	Tổ 14 - Khu 4 - phường Hà Lâm	Lớp 5A5	Khuyết tật đặc biệt nặng	5	150,000	750,000	Khoản h, Điều 2
67	Ngô Duy Hưng	27/07/2014	Tổ 12A- khu 2 - phường Hà Khánh	Lớp 2A8	Khuyết tật nặng	5	150,000	750,000	Khoản h, Điều 2
68	Nguyễn Công Thắng	21/06/2010	Tổ 13 - khu 2 - phường Hà Khánh	Lớp 3A1	Khuyết tật nặng	5	150,000	750,000	Khoản h, Điều 2
69	Nguyễn Huy Khánh	09/10/2012	Tổ 8 - Khu 1 - phường Hà Khánh	Lớp 3A7	Khuyết tật nặng	5	150,000	750,000	Khoản h, Điều 2
70	Nguyễn Tiến Hoàng	31/12/2012	Tổ 1 - Khu 2 - phường Hà Lâm	Lớp 3A4	Khuyết tật nặng	5	150,000	750,000	Khoản h, Điều 2
	TH Hạ Long							6,000,000	
71	Phạm Trần Hoàng Anh	06/09/2014	Tổ 6 khu 3, P. Hồng Gai	Lớp 1A2	Khuyết tật nặng	5	150,000	750,000	Khoản h, Điều 2
72	Nguyễn Bảo Anh	15/08/2013	Tổ 17 khu 2, P. Hồng Gai	Lớp 2A4	Khuyết tật nặng	5	150,000	750,000	Khoản h, Điều 2
73	Phạm Minh Tùng	30/01/2010	Tổ 18 khu 2, p. Hòn Gai	Lớp 2A11	Khuyết tật nặng	5	150,000	750,000	Khoản h, Điều 2
74	Hoàng Vũ Bảo Hán	25/09/2011	Tạm trú tổ 1 khu3, P. Hồng Gai	Lớp 2A12	Khuyết tật nặng	5	150,000	750,000	Khoản h, Điều 2
75	Nguyễn Hoàng Anh	25/06/2010	Tổ 18 khu 2, p. Hòn Gai	Lớp 3A2	Khuyết tật nặng	5	150,000	750,000	Khoản h, Điều 2
76	Đoàn Ngọc Hà	25/09/2011	Tổ 10 khu 3, p. Bãi Cháy	Lớp 3A4	Khuyết tật nặng	5	150,000	750,000	Khoản h, Điều 2

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Địa chỉ	Học lớp	Đối tượng	Kinh phí hỗ trợ			Chính sách quy định tại
						Số tháng hỗ trợ	Mức hỗ trợ	Tổng số tiền hỗ trợ	
77	Lê Thanh Trúc	20/11/2012	Tổ 13 khu 2, p. Hòn Gai	Lớp 4A6	Khuyết tật nặng	5	150,000	750,000	Khoản h, Điều 2
78	Đỗ Huyền Mỹ	10/08/2011	Tổ 45 khu 3, p. Bạch Đằng	Lớp 4A7	Khuyết tật nặng	5	150,000	750,000	Khoản h, Điều 2
	TH Lê Hồng Phong							5,250,000	
79	Vũ Chấn Hưng	15/08/2015	Tổ 6 Khu 1B, P. Hồng Hải	Lớp 1A4	Khuyết tật nặng	5	150,000	750,000	Khoản h, Điều 2
80	Hoàng Tuấn Vũ	27/04/2014	Tổ 3 khu 6B, P. Hồng Hải	Lớp 2A6	Khuyết tật nặng	5	150,000	750,000	Khoản h, Điều 2
81	Đình Nhật Đại	28/06/2012	Hải Hà, Quảng Ninh	Lớp 3A1	Khuyết tật nặng	5	150,000	750,000	Khoản h, Điều 2
82	Bùi Nguyễn Hà Phương	28/11/2011	Tổ 2 khu 5, P. Trần Hưng Đạo	Lớp 4A4	Khuyết tật nặng	5	150,000	750,000	Khoản h, Điều 2
83	Phạm Anh Thư	30/04/2012	Tổ 7 khu 3, P. Hồng Hải	Lớp 4A6	Khuyết tật nặng	5	150,000	750,000	Khoản h, Điều 2
84	Trần Tiến Đạt	21/09/2011	Tổ 1 khu 5, P. Hồng Hải	Lớp 2A1	Khuyết tật nặng	5	150,000	750,000	Khoản h, Điều 2
85	Hoàng Tiến Đạt	30/07/2011	Tổ 2 khu 5, P. Hồng Hải	Lớp 5A5	Khuyết tật nặng	5	150,000	750,000	Khoản h, Điều 2
	TH Việt Hưng							2,250,000	
86	Hoàng Minh Quân	10/04/2014	Khu 8, P. Việt Hưng, TP. Hạ Long	Lớp 2A4	Khuyết tật nặng	5	150,000	750,000	Khoản h, Điều 2
87	Nguyễn Minh Thảo	31/05/2011	Khu 5, P. Việt Hưng, TP. Hạ Long	Lớp 5A3	Khuyết tật nặng	5	150,000	750,000	Khoản h, Điều 2
88	Nguyễn Đức Trí	26/11/2014	Khu 13, phường Việt hưng	Lớp 2A4	Khuyết tật nặng	5	150,000	750,000	Khoản h, Điều 2
	TH Lý Thường Kiệt							21,000,000	
89	Vũ Tiến Đạt	13/09/2012	Tổ 10 - khu 4 - Phường Giếng Đáy	Lớp 2A6	Khuyết tật nặng	5	150,000	750,000	Khoản h, Điều 2
90	Nguyễn Hữu Đồng	23/10/2011	Tổ 9 - khu 2 - Phường Giếng Đáy	Lớp 4A12	Khuyết tật nặng	5	150,000	750,000	Khoản h, Điều 2